

Số: 95/KH-TH&THCSPVT

Phước Vĩnh Tây, ngày 26 tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH
Về việc thực hiện giáo dục cấp THCS năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Căn cứ Văn bản số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học;

Căn cứ Công văn số 4555/BGDĐT-GDPT ngày 05 tháng 8 năm 2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Quyết định số 2836/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Công văn số 862/SGDĐT-GDPT ngày 21 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc triển khai, tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Kế hoạch số .../KH-TH&THCSPVT ngày tháng 8 năm 2025 của trường Tiểu học và THCS Phước Vĩnh Tây về thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị.

Trường Tiểu học và THCS Phước Vĩnh Tây xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ giáo dục nhà trường cấp THCS năm học 2025-2026 như sau:

1. BỐI CẢNH VÀ ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

1.1. Bối cảnh bên ngoài

1.1.1. Thời cơ:

- Đảng và Nhà nước có chủ trương rõ ràng về việc chỉ đạo thực hiện đổi mới căn bản toàn diện Giáo dục và Đào tạo; Năm học 2025-2026, toàn ngành tiếp tục thực hiện Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 29-NQ/TW.

- Nhà trường luôn được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát và kịp thời của Phòng Văn hóa - Xã hội, Đảng ủy và Ủy ban nhân dân xã Phước Vĩnh Tây; sự hỗ trợ phối hợp tích cực của các phòng ban chuyên môn, trung tâm; của ban ngành đoàn thể huyện, xã.

- Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 là chương trình mở, tăng tính chủ động cho nhà trường trong việc chọn lựa nội dung, xây dựng kế hoạch chuyên môn.

- Sự phát triển mạnh mẽ của CMCN 4.0 và sự tuyên truyền của các cấp và nhà trường nên xã hội và phụ huynh học sinh đã nắm bắt được những lộ trình và các điều kiện cần có để đáp ứng thực hiện đổi mới chương trình GDPT.

- Được sự đồng tình ủng hộ của hầu hết cha mẹ học sinh; người dân quan tâm công tác giáo dục.

1.1.2. Thách thức:

- Do trong thời gian thực hiện giải phóng mặt bằng xây dựng khu đô thị mới xã Phước Vĩnh Tây nên ảnh hưởng đến công tác huy động học sinh.

- Nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, thường xuyên thay đổi chỗ ở theo nhu cầu mưu sinh của gia đình, ít nhiều bị ảnh hưởng, đặc biệt là việc tự học, tự nghiên cứu bài của các em ở nhà, và công tác sự phối hợp giữa cha mẹ học sinh với nhà trường.

- Yêu cầu về ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, trình độ ngoại ngữ, khả năng sáng tạo ngày càng cao cũng phần nào tạo áp lực đến đội ngũ giáo viên.

1.2. Bối cảnh bên trong

1.2.1. Điểm mạnh:

- Nhà trường có 06 phòng học, mỗi phòng được trang bị kết nối internet; có phòng bộ môn Công nghệ, Âm nhạc, Mĩ Thuật, Ngoại ngữ, phòng đa chức năng, phòng KHTN; 01 phòng vi tính có đủ số lượng máy vi tính, máy chiếu và mạng Internet, thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học.

- Trường có nhà đa năng và sân chơi bãi tập rộng rãi, thoáng mát đảm bảo cho học sinh vui chơi và luyện tập thể dục thể thao.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp đảm bảo theo quy định.

- Trình độ giáo viên đạt chuẩn 94,4% đảm bảo theo Luật giáo dục hiện hành.

- Đa số giáo viên có trình độ chuyên môn vững, nhiệt tình, trách nhiệm trong công tác.

- Cán bộ quản lý nhà trường chỉ đạo sát sao các tổ chuyên môn và tạo lập được sự phối hợp chặt chẽ của Ban Đại diện CMHS.

- Giáo viên tổng phụ trách đội có năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo trong việc thực hiện nhiệm vụ công tác đội.

- Học sinh ngoan, hiền, lễ phép. Đạt khoảng 85% học sinh ý thức tốt về tầm quan trọng của việc học tập cho tương lai sau này.

1.2.2. Điểm yếu:

- Còn 01 giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ theo Luật giáo dục 2019 chiếm 5,6%.

- Đội ngũ giáo viên trẻ nhưng năng lực chưa đồng đều, ít kinh nghiệm trong công tác giảng dạy nên gây một số khó khăn nhất định trong việc phân công triển khai chương trình GDPT 2018.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị chưa đáp ứng được dạy học 02 buổi/ngày theo yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Một số học sinh chưa ngoan, ý thức học tập chưa cao, chưa được sự quan tâm của cha mẹ học sinh.

- Chất lượng các bộ môn chưa đồng đều, tỷ lệ môn tiếng Anh, Ngữ văn, Toán cuối cấp còn thấp so với mặt bằng chung của xã.

1.3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

1.3.1. Quy mô số lớp, số học sinh toàn trường; tổng số cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên trong toàn trường năm học 2025-2026

1.3.1.1. Số lớp và số học sinh

Khối	Số lớp	Sĩ số	Bình quân HS/lớp	Ghi chú
Khối 6	2	84	42,0	
Khối 7	3	88	29,3	
Khối 8	3	96	32,0	
Khối 9	2	81	40,5	
Tổng	10	349	34,9	

1.3.1.2. Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

Chức danh	Số lượng	Nữ	Đảng viên	Trình độ chuyên môn				Trung cấp chính trị
				Ths	ĐH	CD	TC	
Hiệu trưởng	1	0	1	0	1	0	0	1
Phó hiệu trưởng	1	1	1	0	1	0	0	1
Giáo viên	18	12	8	0	17	1	0	0
Nhân viên	2	0	1	0	1	0	1	0
Hợp đồng 111	4	2	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng	26	15	11	0	20	1	1	2

1.3.1.3. Tổ chuyên môn

Stt	Tổ chuyên môn	Số lượng	Nữ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng
1	KHTN	9	7	0	9	0
2	KHXX	11	6	0	10	1

1.3.2. Cơ sở vật chất

- Phòng học:

Phòng	Buổi	1	2	3	4	5
Lớp	Sáng	7/1	7/2	7/3	9/1	9/2
	Chiều	8/1	8/2	8/3	6/1	6/2

- **Phòng hỗ trợ học tập, phòng phụ trợ gồm:** Phòng Âm nhạc, Phòng Mỹ thuật, Phòng Công nghệ, Phòng KHTN 1, 2, 3, Phòng Tin học, Phòng Đa chức năng, Phòng Ngoại ngữ, Nhà Đa năng.

- **Phòng hành chính:** Phòng Thư viện, Phòng Thiết bị, Phòng Y tế, Phòng Truyền thông, Phòng Giáo viên, Phòng Hội trường, Phòng Tài vụ, Văn phòng, Phòng Hiệu trưởng, Phòng Phó Hiệu trưởng, Phòng tư vấn học đường, phòng các tổ chuyên môn.

1.3.3. Định hướng thực hiện chương trình dạy học

- Thực hiện Chương trình GDPT 2018, nhà trường kiên trì mục tiêu giáo dục là giáo dục con người toàn diện, giúp học sinh phát triển hài hòa về đức, trí, thể, mỹ.

- Với phương châm giáo dục: Giáo dục trung học cơ sở triển khai Chương trình GDPT theo phương châm kế thừa các nguyên lý giáo dục nền tảng như “Học đi đôi với hành”, “Lý luận gắn liền với thực tiễn”, “Giáo dục ở nhà trường kết hợp với giáo dục ở gia đình và xã hội”.

- Với nội dung giáo dục: Thông qua những kiến thức cơ bản, thiết thực, hiện đại và các phương pháp tích cực hóa hoạt động của người học, giúp học sinh hình thành và phát triển những phẩm chất và năng lực mà nhà trường và xã hội kì vọng. Theo cách tiếp cận này, kiến thức được dạy học không nhằm mục đích tự thân. Nói cách khác, giáo dục không phải để truyền thụ kiến thức mà nhằm giúp học sinh hoàn thành các công việc, giải quyết các vấn đề trong học tập và đời sống nhờ vận dụng hiệu quả và sáng tạo những kiến thức đã học. Thực hiện các chương trình, đề án và nhiệm vụ chuyển đổi số để nâng cao hiệu quả công tác Quản lý; phát huy vai trò tích cực, chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ đồng thời gắn với vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường năng lực xây dựng, tổ chức triển khai, kiểm tra giám sát và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch thực hiện trong phạm vi cho trách nhiệm nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học.

- Thực hiện chương trình GDPT 2018 (Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành chương trình giáo dục phổ thông 2018).

- Các tổ chuyên môn thực hiện theo Công văn 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường và tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học.

- Thực hiện Công văn số 3089/BGDĐT-GDTrH ngày 14/8/2020 về việc triển khai thực hiện giáo dục STEM trong giáo dục trung học.

- Nâng cao năng lực tham mưu, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ. Thực hiện khung chương trình môn học.

- Căn cứ Khung chương trình GDPT 2018, các văn bản hướng dẫn đổi mới hoạt động chuyên môn và kế hoạch giảng dạy của các tổ (nhóm) chuyên môn, nhà trường duyệt kế hoạch giảng dạy cho từng môn học, hoạt động giáo dục theo quy định được tổ chức giảng dạy trong nhà trường, bảo đảm thời lượng quy định trong chương trình và bố trí dạy học trong mỗi học kì một cách hợp lý, khoa học.

*** Các hoạt động khác**

- Nhà trường tổ chức các câu lạc bộ năng khiếu (TDTT, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kỹ năng Đời, Văn học, STEM,...), tổ chức câu lạc bộ tự học dành cho tất cả học sinh lớp 6, 7, 8, 9 để tạo sân chơi cho các em, vừa phát hiện đào tạo bồi dưỡng nhân tài.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tham quan hướng nghiệp, các hội thi, các phong trào để các em phát triển năng lực và phẩm chất.

*** Dạy học qua Internet**

- Vận dụng kết hợp dạy học trực tiếp và dạy học qua trực tuyến để mở rộng thời gian, không gian tổ chức học tập cho học sinh, giúp học sinh có kế hoạch học tập cá nhân chủ động và hứng thú hơn trong học tập.

- TTCM phân công tổ viên xây dựng học liệu dùng chung cho từng bài, từng chủ đề: hướng dẫn học tự học, tự tìm hiểu kiến thức, nội dung ôn tập đưa lên hệ thống trực tuyến để học sinh học tập.

1.3.4. Định hướng hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục

Hồ sơ quản lý hoạt động giáo dục trong nhà trường được thực hiện theo Điều 21 của Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Bên cạnh các loại hồ sơ quy định, nhà trường còn thực hiện các hồ sơ điện tử gồm: Học bạ học sinh, Sổ theo dõi và đánh giá học sinh, Sổ đăng bộ. Việc quản lý hồ sơ điện tử thực hiện theo quy chế quản lý, sử dụng sổ điểm điện tử, học bạ số trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

1.3.5. Định hướng các phương pháp và hình thức kiểm tra đánh giá

Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định: Thực hiện đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 22/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về đánh giá học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông.

1.3.6. Định hướng tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp

- Tổ chức Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo khung chương trình và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Số tiết trong chương trình theo quy định là 105 tiết, nhà trường phân bố 3 tiết/tuần cho 3 loại hình Sinh hoạt dưới cờ, Sinh hoạt lớp, Hoạt động giáo dục theo chủ đề.

- Phương thức đa dạng, phong phú: diễn đàn, đóng kịch, hội thảo, hội thi, trò chơi, hoạt động tình nguyện nhân đạo, lao động công ích, tuyên truyền, khảo sát, điều tra, làm dự án nghiên cứu, sáng tạo công nghệ, nghệ thuật, tham quan, cắm trại, thực địa,...

- Thực hiện chương trình giáo dục an toàn giao thông tích hợp vào Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp đảm bảo thời lượng theo hướng dẫn.

- Khung phân phối thời gian thực hiện hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp: *(Phụ lục I)*.

1.3.7. Định hướng thực hiện nội dung giáo dục địa phương

- Thực hiện theo hướng dẫn Thông tư 32 chương trình GDPT 2018; Thực hiện dạy đủ 35 tiết/khối lớp tương đương 01 tiết/01 tuần. Nội dung bao hàm các lĩnh vực về văn hóa, lịch sử truyền thống địa phương; các vấn đề về địa lí, kinh tế của địa phương; các vấn đề chính trị - xã hội, môi trường của địa phương gồm các mạch kiến thức về Lịch sử - Văn hóa, Địa lí - Môi trường, Kinh tế - Chính trị - Xã hội; Sử dụng tài liệu do Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn.

- Mỗi học kỳ: 02 điểm KT thường xuyên, 01 điểm KT giữa kỳ (45 phút), 01 điểm KT cuối kỳ (45 phút).

- Khung kế hoạch giảng dạy giáo dục địa phương: *(Phụ lục II)*.

1.3.8. Định hướng thực hiện giảng dạy môn KHTN

Chương trình môn Khoa học tự nhiên: Các chủ đề được sắp xếp chủ yếu theo logic tuyến tính, có kết hợp ở mức độ nhất định với cấu trúc đồng tâm, đồng thời có một số chủ đề liên môn, tích hợp nhằm hình thành các nguyên lí, quy luật chung của thế giới tự nhiên. Căn cứ tình hình đội ngũ giáo viên của nhà trường, các phân môn Hóa, Sinh, Lý trong môn KHTN 6, 7, 8, 9 được bố trí dạy cuốn chiếu.

- Khung kế hoạch giảng dạy khoa học tự nhiên: *(Phụ lục III)*.

1.3.9. Định hướng giảng dạy môn Lịch sử và Địa lí

- Chương trình môn Lịch sử và Địa lí bao gồm phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, mỗi phân môn được thiết kế theo mạch nội dung riêng, trong đó nhiều nội dung dạy học liên quan được bố trí gần nhau để hỗ trợ nhau; nội dung Lịch sử tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Địa lí và nội dung Địa lí tích hợp trong những phần phù hợp của nội dung Lịch sử. Kế hoạch dạy học môn học được xây dựng theo từng phân môn Lịch sử và phân môn Địa lí, các phân môn được bố trí dạy

song song.

- Khung kế hoạch giảng dạy Lịch sử và Địa lí: *(Phụ lục IV)*.

2. MỤC TIÊU GIÁO DỤC CỦA NHÀ TRƯỜNG

2.1. Mục tiêu chung

- Thực hiện hiệu quả chương trình giáo dục phổ thông, định hướng từng bước thực hiện lộ trình dạy 02 buổi/ngày đối giáo dục trung học cơ sở đến khi có đủ điều kiện theo quy định.

- Đảm bảo các điều kiện về chất lượng giáo dục phổ thông; phát triển mạng lưới trường, lớp; cơ sở vật chất, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, tạo cơ hội, điều kiện để học sinh được phát triển toàn diện; thực hiện tích hợp thiết thực đảm bảo chất lượng; nâng cao chất lượng giáo dục STEM/STEAM; đẩy mạnh hoạt động giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh sau THPT; nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Cũng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục; thực hiện Khung năng lực số, học bạ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới công tác quản lý giáo dục.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng đội ngũ: Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên nhằm nâng cao chất lượng giáo dục; chú trọng nâng cao chất lượng học sinh lớp cuối cấp; phát huy vai trò của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục để xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, trong đó đặt nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao chất lượng dạy học.

- Nâng cao chất lượng dạy học:

Thực hiện thường xuyên, hiệu quả các phương pháp, hình thức và kỹ thuật dạy học tích cực.

Tiếp tục thực hiện đổi mới kiểm tra, đánh giá; tăng cường hiệu quả hoạt động giáo dục theo định hướng giáo dục STEM; đẩy mạnh hoạt động học sinh tham gia nghiên cứu khoa học; nâng cao hiệu quả công tác giáo dục hướng nghiệp, phân luồng trung học cơ sở; tiếp tục đổi mới công tác quản trị, tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chuyên môn.

Thực hiện chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn:

+ Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình “Tích cực dạy học kép” để phát huy khả năng tự học, đọc, nghiên cứu bài học của học sinh theo hướng dẫn của giáo viên.

+ Tổ chức tập huấn về nhận thức, kỹ năng nghiệp vụ tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số đối với các hoạt động chuyên môn; thực hiện Khung năng lực số, học bạ số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới công tác quản lý giáo dục.

+ Thực hiện các giải pháp nhằm bảo đảm các điều kiện tối thiểu về hạ tầng kỹ thuật; đầu tư, mua sắm trang thiết bị, sử dụng phần mềm quản lý dạy học; tạo lập nền tảng dạy và học trực tuyến tích hợp học liệu số, tăng cường sử dụng học liệu số E-learning tương tác để triển khai có hiệu quả việc dạy học.

- Duy trì sĩ số học sinh: Không có học sinh bỏ học.
- Đánh giá rèn luyện: Tốt: 80% - Khá: 15% - Đạt: 5% - Chưa đạt: 0%.
- Đánh giá học tập: Tốt: 40% - Khá: 35% - Đạt: 25% - Chưa đạt: 0%.
- Giải các Hội thi học sinh:
- + Thi các môn học sinh giỏi cấp xã: 08 học sinh.
- + Thi các môn học sinh giỏi cấp tỉnh: 02 học sinh.
- Thi các nội dung cho đội ngũ cán bộ, giáo viên:
- + Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường: 06 giáo viên.
- + Giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp xã: 03 giáo viên.
- + Thiết kế kế hoạch bài dạy tương tác cấp xã: 02 giáo viên.
- 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp từ mức Khá trở lên.
- Tốt nghiệp THCS: 100%.
- Phân luồng học sinh học nghề sau TN.THCS: 33%.
- Tỷ lệ học sinh sau tốt nghiệp THCS học tiếp lên THPT: đạt 67%.
- Về chất lượng bộ môn:

Lớp 6, 7, 8, 9		
Stt	Môn	Tỷ lệ
1	Ngữ văn	98%
2	Ngoại ngữ 1	98%
3	Toán	98%
4	Lịch sử và Địa lí	98%
5	Khoa học tự nhiên	100%
6	GD công dân	100%
7	Công nghệ	100%
8	Nghệ thuật	100%
9	Giáo dục thể chất	100%
10	Tin học	100%
11	GD địa phương	100%
12	HĐTN, HN	100%

3. NHIỆM VỤ CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

3.1. Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông

- Nhà trường xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đảm bảo phù hợp với đội ngũ giáo viên, điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học hiện có; tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện phẩm chất, năng lực cho học sinh.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp dạy học, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số trong dạy học, kiểm tra, đánh giá nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình GDPT 2018.

- Bố trí thời gian thực hiện chương trình một cách khoa học, linh hoạt, sư phạm, hiệu quả, không gây áp lực đối với học sinh; đảm bảo đến cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình GDPT 2018.

- Nhà trường định hướng từng bước thực hiện lộ trình dạy học 02 buổi/ngày đối với giáo dục trung học cơ sở đến khi có đủ điều kiện theo quy định.

- Tiếp tục triển khai hướng dẫn xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp các môn Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lí, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp bảo đảm chất lượng, đạt mục tiêu chương trình, phù hợp với tình hình thực tiễn và nguồn lực của nhà trường theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khung thời gian thực hiện giáo dục nhà trường:

Stt	Kế hoạch nội dung	Kế hoạch thời gian
1	Ngày tựu trường	28/8/2025
2	Ngày khai giảng năm học 2025-2026	05/9/2025
3	Ngày bắt đầu thực hiện chương trình tuần 1	08/9/2025
4	Ngày kết thúc học kỳ I	10/01/2026
5	Thời gian nghỉ Tết Bính Ngọ	Từ ngày 11/02/2026 đến hết ngày 22/02/2026
6	Ngày hoàn thành chương trình học kỳ II	23/5/2026
7	Tuần lễ dự phòng	25-29/5/2026
8	Ngày kết thúc năm học 2025-2026	Trước ngày 31/5/2026
9	Xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở	Trước ngày 30/6/2026
10	Hoàn thành tuyển sinh vào lớp 6 năm học 2026-2027	Trước ngày 31/7/2026

- Số tiết dạy trong kế hoạch dạy học ở các bộ môn lớp 6, 7, 8, 9:

TT	Môn	Số tiết thực hiện các môn của khối lớp 6, 7			Số tiết thực hiện các môn của khối lớp 8, 9		
		HK1	HK2	CN	HK1	HK2	CN
1	Ngữ văn	72	68	140	72	68	140
2	Toán	72	68	140	72	68	140
3	Ngoại ngữ 1	54	51	105	54	51	105
4	Giáo dục công dân	18	17	35	18	17	35

5	Lịch sử và Địa lí	54	51	105	54	51	105
6	Khoa học tự nhiên	72	68	140	72	68	140
7	Công nghệ	18	17	35	18 35	34 17	52
8	Tin học	18	17	35	18	17	35
9	Giáo dục thể chất	36	34	70	36	34	70
10	Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật)	36	34	70	36	34	70
11	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp	54	51	105	54	51	105
12	Giáo dục địa phương	18	17	35	18	17	35
Tổng số tiết		522	493	1015	522	510	1032
Số tiết học trung bình/tuần				29			29,5

- Thực hiện dạy học tích hợp, lồng ghép: Xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện dạy học các nội dung lồng ghép, tích hợp năm học 2025-2026 từ nhà trường đến tổ/nhóm chuyên môn, phân công tổ trưởng chuyên môn trực tiếp chỉ đạo, quản lý, tổ chức thực hiện tại tổ chuyên môn, đảm bảo các nội dung theo quy định. Thực hiện các nội dung:

+ Giáo dục những nội dung cơ bản, giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức, phong cách Hồ chí Minh, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh cho toàn thể học sinh trong nhà trường.

+ Giáo dục môi trường: tìm hiểu thông tin về môi trường và phát triển bền vững cho học sinh; Nhận biết các hành vi gây ô nhiễm môi trường; Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và thiên tai; Nắm vững chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường; Tuyên truyền và định hướng một số chuẩn mực về môi trường của học sinh trong gia đình, làng xóm, khu dân cư,... Khôi phục và phát huy truyền thống yêu thiên nhiên, nếp sống gần gũi, gắn bó với môi trường. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường Thế giới, Giờ Trái đất, tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam, ngày đa dạng Sinh học Quốc tế, tuần lễ Quốc gia Nước sạch và vệ sinh môi trường, chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn.

+ Giáo dục, tuyên truyền: Di tích Lịch sử Cầu Kinh, Chùa Núi,... ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông,...

+ Giáo dục dân số sức khỏe sinh sản vị thành niên: Tạo môi trường, khung cảnh phù hợp để học sinh có thể tin tưởng tự do bày tỏ trao đổi một cách thoải mái những hiểu biết, quan điểm và thắc mắc của mình về những vấn đề sức khỏe có liên quan.

+ Giáo dục biên giới quốc gia biển - đảo: Nắm vững những đặc điểm tiềm năng và thế mạnh kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng về biên giới biển- đảo đất nước; Giáo dục chủ quyền thiêng liêng và quan điểm ứng xử của Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam về vấn đề biên giới biển - đảo.

+ Giáo dục địa phương: Các môn Ngữ văn, Lịch sử và Địa lí, Nghệ thuật và GD&ĐT bám sát các tài liệu giáo dục địa phương của các môn học này do Sở Giáo dục và Đào tạo biên soạn. Các môn học còn lại các tổ nhóm chuyên môn thống nhất các nội dung tài liệu dạy học. Việc dạy giáo dục địa phương phải đạt được mục tiêu: “Học sinh phải trước hết biết rõ và hiểu sâu sắc thiên nhiên, con người và đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh”. Hình thành thói quen quan tâm chia sẻ, vận dụng các kiến thức liên môn để giải quyết và ứng xử tốt trước các tình huống thực tiễn đang thay đổi trên quê hương.

- Công tác bồi dưỡng học sinh giỏi:

+ Chú trọng công tác bồi dưỡng HSG nhằm tạo môi trường thuận lợi giúp phát huy năng lực của học sinh cũng như tạo được lực lượng nòng cốt cho các phong trào, các hội thi chuyên môn.

+ Tiếp tục ôn tập, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức cho những em học sinh có kết quả học tập và rèn luyện từ Khá trở lên trong năm học vừa qua để chuẩn bị cho kỳ thi học sinh giỏi các cấp trong năm học 2025-2026.

+ Phát huy tính tích cực, tinh thần tự học tự rèn luyện của học sinh nhằm từng bước xây dựng đội tuyển học sinh giỏi trong nhà trường.

- Công tác phụ đạo học sinh yếu, kém:

+ Giúp học sinh học tập còn yếu, kém được ôn tập củng cố những kiến thức cơ bản để có cơ sở tiếp thu bài mới được tốt hơn, nâng cao kết quả học tập.

+ Nhằm giảm tỉ lệ học sinh yếu, kém nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường.

- Giáo dục STEM:

+ Tiếp tục tổ chức giáo dục tích hợp khoa học - công nghệ - kỹ thuật - toán (STEM) trong việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông ở những môn học liên quan theo Công văn số 3089/BGD&ĐT-GDTrH, ngày 14/08/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Lựa chọn nội dung, hình thức giáo dục STEM. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường phù hợp với điều kiện của nhà trường và địa phương; tiếp tục tổ chức bồi dưỡng giáo viên và CBQL về giáo dục STEM, xây dựng và thực hiện bài học STEM; kỹ năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm STEM và năng lực hướng dẫn hoạt động nghiên cứu khoa học, kỹ thuật. Tổ chức dạy học theo phương thức giáo dục STEM và kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

+ Các bài STEM tiêu biểu thực hiện trong năm học:

Stt	Tên bài học	Môn	Lớp	Hình thức dạy học	Người thực hiện
1	Sơ đồ tư duy	Tin học	7	Bài học Stem	Tô Tuấn Kiệt

2	Hình chóp tứ giác đều	Toán	8	Bài học Stem	Trương Thị Ngọc Châu
3	Sự phản xạ ánh sáng: Kính tiềm vọng	KHTN	7	Bài học Stem	Lê Nguyễn Thị Xuân An
4	Thiết kế và lắp ráp mô hình cánh tay Robot thủy lực	Công nghệ	8	Bài học Stem	Lê Thị Lệ Huyền
5	Thủy quyền. Vòng tuần hoàn nước. Nước ngầm, băng hà	Lịch sử và Địa lí (Địa lí)	6	Bài học Stem	Nguyễn Hoàng Duy
6	Sản phẩm từ vật liệu đã qua sử dụng (tiết 2)	Nghệ thuật (Mỹ thuật)	6	Bài học Stem	Nguyễn Lâm Thùy Linh

- Các câu lạc bộ:

+ Rà soát, hoàn thiện và sắp xếp các câu lạc bộ về mặt tổ chức và định hướng các câu lạc bộ đi vào hoạt động có chiều sâu. Xác định rõ mục tiêu của từng câu lạc bộ để hoạt động câu lạc bộ thực sự hỗ trợ tốt cho hoạt động dạy học và là sân chơi bổ ích cho học sinh.

+ Xây dựng hoạt động câu lạc bộ theo hai mảng chính gồm: câu lạc bộ tự học và câu lạc bộ năng khiếu. Mỗi câu lạc bộ có kế hoạch hoạt động riêng và được Ban giám hiệu phê duyệt.

3.2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

3.2.1. Phát triển mạng lưới trường, lớp

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và chính quyền địa phương trong việc rà soát, sắp xếp quy mô trường lớp phù hợp điều kiện thực tế, đảm bảo thuận lợi cho học sinh trong học tập.

- Tham gia đề xuất phương án tổ chức trường liên cấp, điểm trường (nếu có), bảo đảm cơ sở vật chất, phòng học, khu phụ trợ đáp ứng yêu cầu của Điều lệ trường học.

- Quan tâm tạo điều kiện cho học sinh vùng khó khăn, học sinh dân tộc thiểu số được tiếp cận công bằng với giáo dục.

3.2.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học, học liệu

- Chủ động tham mưu, đề xuất với cấp trên để bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị dạy học phục vụ triển khai Chương trình GDPT 2018.

- Quản lý, sử dụng hiệu quả thiết bị hiện có, tránh tình trạng “thiết bị đến trường mà không ra lớp”.

- Khuyến khích giáo viên khai thác học liệu số, ứng dụng CNTT trong dạy học, kiểm tra đánh giá.

- Từng bước xây dựng và chia sẻ kho học liệu số trong nhà trường.

3.2.3. Bảo đảm sách giáo khoa và tài liệu giáo dục địa phương

- Hỗ trợ đầy đủ, kịp thời sách giáo khoa cho học sinh khó khăn ngay từ đầu năm học.
- Tiếp tục thực hiện mô hình “Thư viện số” trong nhà trường.
- Rà soát, huy động, khai thác hiệu quả nguồn sách giáo khoa đã sử dụng từ các năm học trước, tổ chức bổ sung vào thư viện nhà trường để phục vụ nhu cầu mượn - đọc sách giáo khoa.
- Hướng dẫn giáo viên lồng ghép, điều chỉnh nội dung sách giáo khoa cho phù hợp thực tế địa phương sau sắp xếp địa giới hành chính và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.
- Triển khai dạy học Tài liệu giáo dục địa phương theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

3.2.4. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý

- a) Đảm bảo đội ngũ giáo viên triển khai chương trình
 - Rà soát tình hình đội ngũ, kịp thời báo cáo, tham mưu để bổ sung giáo viên còn thiếu.
 - Phân công hợp lý, đảm bảo dạy đủ các môn theo chương trình GDPT 2018; không bố trí giáo viên dạy chéo môn khi không đủ điều kiện.
 - Chủ động hợp đồng giáo viên theo quy định để không làm gián đoạn việc dạy học.
- b) Nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ
 - Duy trì, nâng cao chất lượng sinh hoạt tổ/nhóm chuyên môn; tăng cường sinh hoạt cụm trường theo kế hoạch của Sở.
 - Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, hỗ trợ giáo viên trong thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.
 - Khuyến khích giáo viên tự học, tự nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin và ngoại ngữ trong dạy học.
 - Từng bước xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên dạy ngoại ngữ chất lượng cao, hướng tới mục tiêu đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong nhà trường.

3.3. Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, phân luồng và phát triển năng lực số

3.3.1. Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học

- Triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả mô hình “Tích cực dạy học kép” giáo viên giao nhiệm vụ tự học, tự tìm hiểu kiến thức cho học sinh trên hệ thống có kèm kiểm tra đánh giá và củng cố, ôn tập kiến thức trên hệ thống.
- Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng hiện đại, phát

huy tính chủ động, tích cực, và sáng tạo của học sinh; đẩy mạnh hoạt động chuyên đề, tổ chức trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực của học sinh. Kỹ năng ứng dụng lý thuyết được học để giải quyết các vấn đề của thực tế đời sống; các kỹ năng sống, kỹ năng thực hành xã hội cần thiết, phù hợp với lứa tuổi và đáp ứng nhu cầu xã hội, nhất là khả năng hội nhập quốc tế.

3.3.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức kiểm tra, đánh giá

- Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh, nâng cao chất lượng kiểm tra định kỳ (quy chế tổ chức; đề kiểm tra xây dựng ma trận đề đảm bảo các mức độ theo quy định; áp dụng đa dạng các hình thức kiểm tra, đánh giá).

- Thực hiện việc đánh giá học sinh trung học cơ sở theo quy định; Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20 tháng 7 năm 2021. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá phù hợp với kế hoạch dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt hoặc mức độ cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông

3.3.3. Nâng cao chất lượng giáo dục hướng nghiệp, định hướng phân luồng

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của học sinh và CMHS về vai trò của giáo dục nghề nghiệp đối với phát triển kinh tế, xã hội, phát triển con người.

- Đổi mới nội dung giáo dục hướng nghiệp thông qua các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường, đổi mới nội dung theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi.

- Đa dạng hóa, vận dụng linh hoạt các hình thức tư vấn hướng nghiệp phù hợp với lứa tuổi học sinh; cung cấp kịp thời thông tin về cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chính sách ưu đãi trong giáo dục nghề nghiệp, cơ hội khởi nghiệp, tìm kiếm việc làm, xu hướng thị trường lao động,...

- Phát triển đội ngũ giáo viên kiêm nhiệm làm nhiệm vụ tư vấn, hướng nghiệp; huy động nguồn lực xã hội trong và ngoài nhà trường tham gia giáo dục hướng nghiệp.

3.3.4. Thực hiện giáo dục kỹ năng số, triển khai học bạ số

- Nhà trường tập trung đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, tổ chức dạy học và kiểm tra, đánh giá; phát triển kho học liệu số, học liệu mở; triển khai hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nhà trường, học bạ số, hồ sơ giáo viên điện tử. Gắn kết hoạt động chuyển đổi số với đổi mới phương pháp dạy học, phát triển năng lực số của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh.

- Tăng cường công tác tham mưu cấp có thẩm quyền tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học theo hướng hiện đại đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

và tổ chức dạy học linh hoạt, kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến. Đẩy mạnh ứng dụng trực tuyến trong dạy học và bồi dưỡng giáo viên; xây dựng nội dung tập huấn phù hợp thực tiễn; chủ động xây dựng kịch bản dạy học trong mọi tình huống để đảm bảo giáo dục liên tục, không gián đoạn.

- Nhà trường triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động nhằm nâng cao năng lực số cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm hình thành và phát triển các năng lực thiết yếu của công dân số, đáp ứng yêu cầu nhân lực trong thời đại Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thực hiện các nhiệm vụ về Học bạ số theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

- Nhà trường tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong quản lý và dạy học; đẩy mạnh tự động hóa công tác hành chính, sổ sách điện tử, thời khóa biểu, phân công chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, giảm tải cho cán bộ quản lý, giáo viên. Khai thác, sử dụng hiệu quả AI trong hỗ trợ tư vấn hướng nghiệp, cá nhân hóa học tập.

3.4. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

3.4.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục, giáo dục bắt buộc

- Tổ chức quán triệt, truyền thông đến cán bộ, giáo viên, học sinh và phụ huynh về Quyết định 525/QĐ-TTg ngày 06/3/2025 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 05/01/2024 của Bộ Chính trị, nhằm nâng cao nhận thức về công tác phổ cập, giáo dục bắt buộc, xóa mù chữ và phân luồng học sinh.

- Duy trì và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục THCS; phấn đấu giữ vững tỷ lệ học sinh đi học, hoàn thành cấp học và chuyển cấp theo chỉ tiêu của ngành.

- Thực hiện đầy đủ công tác điều tra, cập nhật số liệu học sinh; hoàn thiện hồ sơ phổ cập giáo dục, lưu trữ và báo cáo theo quy định.

- Tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, giáo viên trong việc thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục.

3.4.2. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn

- Xây dựng kế hoạch giáo dục hòa nhập đối với học sinh khuyết tật theo đúng Luật Người khuyết tật 2010 và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; điều chỉnh chương trình, nội dung, phương pháp dạy học phù hợp với nhu cầu và khả năng của từng học sinh.

- Tăng cường phát hiện sớm, can thiệp sớm; phối hợp với phụ huynh và y tế học đường trong việc hỗ trợ học sinh khuyết tật.

- Bồi dưỡng, tập huấn cho giáo viên về phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập.

- Chủ động phối hợp với các cơ sở, tổ chức, đoàn thể để hỗ trợ học sinh có hoàn cảnh khó khăn (học bổng, sách vở, đồ dùng học tập,...) nhằm đảm bảo điều kiện học tập tối thiểu.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống để học sinh có cơ hội phát triển năng lực cá nhân và hòa nhập tốt hơn với môi trường học đường.

3.4.3. Thực hiện hiệu quả các hoạt động về giáo dục dân tộc

- Tăng cường năng lực tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số: Tổ chức phụ đạo, bồi dưỡng tiếng Việt cho học sinh còn hạn chế. Lồng ghép các hoạt động giao lưu, trò chơi học tập, ngày hội đọc sách, kể chuyện nhằm tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt tự nhiên.

- Phối hợp chặt chẽ với trường tiểu học: Trao đổi thông tin về chất lượng tiếng Việt của học sinh dân tộc trước khi vào lớp 6. Chuẩn bị kế hoạch hỗ trợ học sinh mới chuyển cấp còn hạn chế về tiếng Việt.

- Tổ chức dạy học tiếng dân tộc theo nhu cầu: Khảo sát nguyện vọng học tiếng Khmer, Chăm của học sinh. Triển khai giảng dạy theo đúng hướng dẫn, chương trình, sách giáo khoa hiện hành nếu có nhu cầu thực tế.

- Thực hiện đầy đủ chính sách hỗ trợ học sinh dân tộc thiểu số: Đảm bảo các chế độ, chính sách được chi trả kịp thời, đúng quy định. Tăng cường tuyên truyền để phụ huynh và học sinh nắm rõ quyền lợi, chính sách.

- Huy động nguồn lực, cải thiện cơ sở vật chất: Chủ động tham mưu với chính quyền địa phương và vận động xã hội hóa để bổ sung thiết bị dạy học, hỗ trợ học sinh dân tộc. Ưu tiên các phòng học, thư viện, thiết bị phục vụ cho việc tăng cường tiếng Việt và hoạt động văn hóa của học sinh dân tộc thiểu số.

3.5. Đổi mới công tác quản lý, quản trị trường học và tăng cường công tác kiểm tra

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học; đảm bảo việc nhập liệu, khai thác và sử dụng dữ liệu trường, lớp, học sinh, giáo viên đúng quy định.

- Tham mưu với địa phương về đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; tổ chức bồi dưỡng kỹ năng công nghệ cho cán bộ, giáo viên nhằm sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Quản lý việc sử dụng sách, tài liệu tham khảo theo đúng quy định; tuyệt đối không để xảy ra tình trạng ép buộc học sinh mua tài liệu ngoài sách giáo khoa.

- Lựa chọn, tham gia các cuộc thi, kỳ thi cấp xã, cấp tỉnh đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tránh gây áp lực cho giáo viên và học sinh.

- Thực hiện nghiêm quy định của Thông tư 29/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về dạy thêm, học thêm; quản lý chặt chẽ hoạt động dạy thêm trong và ngoài nhà trường, chịu trách nhiệm đối với giáo viên của đơn vị.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội và các cơ quan chức năng trong việc kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình GDPT 2018, lựa chọn sách giáo khoa, quản lý sách tham khảo, hoạt động dạy thêm học thêm, các chương trình tích hợp và hoạt động tư vấn hướng nghiệp.

- Tiếp tục phát động phong trào thi đua trong dạy học và quản lý, gắn với mục tiêu “Đổi mới, sáng tạo trong quản lý, giảng dạy và học tập”.

- Xây dựng, bồi dưỡng và nhân rộng các điển hình tiên tiến, bảo đảm hiệu quả, lan tỏa, phù hợp điều kiện của nhà trường và địa phương.

4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Trách nhiệm của các thành viên

4.1.1. Đối với Hiệu trưởng

- Ban hành quyết định thành lập các tổ chuyên môn, bổ nhiệm các chức danh Tổ trưởng, Tổ phó chuyên môn.

- Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong năm học: GVCN, công tác giảng dạy, công tác kiêm nhiệm,...

- Xây dựng dự thảo kế hoạch, tổ chức lấy ý kiến các thành viên trong nhà trường để hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục trong nhà trường, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch.

- Liên hệ với các cơ quan, tổ chức cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh.

- Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện công tác kiểm tra nội bộ. Tổ chức các hoạt động, hội thi, hội giảng trong năm.

- Xây dựng tiêu chí thi đua trong nhà trường.

4.1.2. Đối với Phó Hiệu trưởng

- Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, thư viện, thiết bị, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp; xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém và các hoạt động khác có liên quan đến công tác giáo dục học sinh.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường trung học.

- Tổ chức kiểm tra các hoạt động có liên quan đến chuyên môn.

4.1.3. Tổ trưởng tổ chuyên môn

- Chủ trì xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ chuyên môn.
- Tổ chức cho các nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn, duyệt và trình Hiệu trưởng phê duyệt.
- Chủ trì xây dựng kế hoạch dạy học tích hợp liên môn, kế hoạch dạy học trải nghiệm.
- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng. Chú trọng đổi mới phương pháp, hình thức dạy học; đổi mới kiểm tra đánh giá. Tập trung vào việc tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.
- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài; phân công các thành viên trong tổ xây dựng chủ đề dạy học, xây dựng học liệu hướng dẫn tự học cho học sinh.

4.1.4. Giáo viên chủ nhiệm

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm phù hợp với từng đối tượng học sinh.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo loại hình Sinh hoạt lớp một cách hiệu quả.
- Phối hợp với nhà trường, Liên đội và CMHS tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

4.1.5. Giáo viên bộ môn

- Nghiên cứu kỹ, nắm bắt chương trình GDPT 2018 và xây dựng kế hoạch giáo dục bộ môn.
- Xây dựng kế hoạch bài dạy phù hợp với phẩm chất, năng lực của học sinh.
- Xây dựng kế hoạch bài dạy theo chủ đề phù hợp với giai đoạn dạy học.
- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo môn học (Giáo viên phải xây dựng kế hoạch ngay từ đầu năm học).
- Phối hợp với nhà trường, Liên đội tổ chức cho học sinh tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm trong và ngoài nhà trường.

4.1.6. Đối với Tổng phụ trách Đội

- Tham mưu Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.
- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp.
- Tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp quy mô toàn trường. Quản lý nề nếp, quản lý đội cờ đỏ nhà trường.
- Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

- Thay đổi hình thức tuyên truyền, giáo dục tư tưởng đạo đức cho học sinh bằng hình thức giới thiệu sách hay, câu chuyện đẹp, tấm gương tốt trên website nhà trường. Tuyên truyền vận động học sinh tham gia các cuộc thi tìm hiểu về lịch sử, biển - đảo, an toàn giao thông, “Học và làm theo Bác”,...

4.1.7. Đối với nhân viên Thư viện - Thiết bị

- Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình GDPT.

- Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học. Trong giai đoạn dạy học trực tuyến, tăng cường giới thiệu sách trên Website.

- Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

4.2. Công tác phối hợp với các bên liên quan

- Nhà trường chủ động tham mưu chính quyền địa phương tạo mọi điều kiện tốt nhất để các hoạt động giáo dục của nhà trường đạt hiệu quả cao nhất.

- Phối hợp với ban đại diện cha mẹ học sinh, các doanh nghiệp đóng trên địa bàn, các tổ chức đoàn thể để tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh.

4.3. Công tác kiểm tra, giám sát

- Việc giám sát đánh giá và điều chỉnh kế hoạch dạy học, giáo dục được thực hiện thường xuyên trong suốt năm học kết hợp với hoạt động tự đánh giá trong quản lý chất lượng Trường THCS.

- Hiệu trưởng thực hiện hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục thường xuyên hàng ngày, hàng tuần thông qua kiểm tra sổ đầu bài, dự giờ thăm lớp, hồ sơ chuyên môn của giáo viên, qua học sinh, cha mẹ học sinh,...

- Làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, các thành viên trong ban kiểm tra nội bộ cần làm tốt nhiệm vụ.

- Mỗi giáo viên cần có thói quen tự kiểm tra việc thực hiện kế hoạch của mình để có điều chỉnh và phản ánh kịp thời với tổ chuyên môn, ban giám hiệu.

4.4. Chế độ thông tin báo cáo

- Tổ trưởng chuyên môn định kỳ báo cáo hiệu trưởng về tình hình của tổ, có các ý kiến tham mưu đề xuất kịp thời về các công việc có liên quan đến thực hiện đổi mới hoạt động dạy học trong nhà trường.

- Định kỳ báo cáo theo tuần, tháng, học kỳ để Hiệu trưởng tổng hợp báo cáo cấp trên kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục cấp THCS năm học 2025-2026 của trường Tiểu học và THCS Phước Vĩnh Tây. Đề nghị cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường cụ thể hóa bằng kế hoạch cá nhân và nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế chỉ đạo của các cấp sẽ có bổ sung và điều chỉnh cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Phòng VH-XH;
- PHT, TTCM, GV, NV;
- Lưu: VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Võ Thị Bé

**PHÊ DUYỆT CỦA HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
TM. HỘI ĐỒNG TRƯỜNG
CHỦ TỊCH**

Trần Văn Vũ

KẾ HOẠCH THỜI GIAN

(Kèm theo Kế hoạch số 95/KHGD-TH&THCSPV ngày 26/8/2025 của trường Tiểu học và THCS Phước Vĩnh Tây)

Thời gian	Nội dung công tác
9/2025	- Vào chương trình tuần 1 - Hội nghị CMHS trường - Hội nghị CB-GV-NV - Lập danh sách phụ đạo học sinh chưa đạt từ lớp 6 đến lớp 9 - Hội thi An toàn giao thông - Triển khai Kiểm tra nội bộ - Thực hiện: Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Thi học sinh giỏi các môn văn hóa lớp 9 cấp trường, máy tính cầm tay cấp trường - Duyệt kế hoạch cá nhân, Tổ chuyên môn - Thực hiện mô hình nhà trường (Theo kế hoạch)
10/2025	- Thực hiện phong trào thi đua ngắn hạn chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11: giáo viên chủ nhiệm giỏi, thiết kế kế hoạch bài dạy tương tác cấp trường từ 01/10/2025 đến 19/11/2025 - Tham gia thi KHKT cấp trường - Thực hiện Kiểm tra nội bộ - Thực hiện: Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Tham gia chuyên đề chuyên môn cấp xã - Triển khai kế hoạch bồi dưỡng HSG văn hóa lớp 9, phụ đạo học sinh chưa đạt
11/2025	- Tiếp tục Thực hiện phong trào thi đua ngắn hạn chào mừng ngày nhà giáo Việt Nam 20/11: lồng ghép thi giáo viên chủ nhiệm giỏi, thiết kế kế hoạch bài dạy tương tác cấp trường từ 01/10/2025 đến 19/11/2025 - Tham gia Thi GVCNG THCS cấp xã - Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Kiểm tra giữa kỳ I: từ 03/11/2025 đến 14/11/2025 - Tham gia hội nghị chuyên môn cấp xã - Hội thi văn nghệ Chào mừng ngày 20/11 - Thực hiện Kiểm tra nội bộ

12/2025	- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Tham gia hội nghị chuyên môn cấp xã - Thực hiện đề cương ôn tập kiểm tra cuối kỳ I - Tổ chức trải nghiệm, hướng nghiệp: Viếng khu di tích lịch sử cầu kinh, nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân - Thực hiện Kiểm tra nội bộ - Hội khỏe phù đồng cấp trường - Hội thi hùng biện Tiếng Anh cấp trường
01/2026	- Kiểm tra cuối kỳ I: từ 05/01/2026 đến 10/01/2026 - Hoàn thành hồ sơ học kỳ I, hoàn thành nhập cơ sở dữ liệu - Sơ kết học kỳ I - Vào chương trình học kỳ II: 12/1/2026 - Nghỉ tết Âm lịch: từ 11/02/2026 đến hết ngày 22/02/2026 - Nghỉ giữa học kỳ: 11/01/2026; Trải nghiệm: các khu di tích tại Long An - Thực hiện Kiểm tra nội bộ - Tham gia thi máy tính cầm tay cấp xã - Tham gia hội khỏe phù đồng cấp xã - Tham gia thi học sinh giỏi văn hóa lớp 9 cấp xã
02/2026	- Tham gia thi HSG văn hóa lớp 9 cấp xã - Thi Tin học trẻ cấp xã - Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Thực hiện Kiểm tra nội bộ - Tham gia hội nghị chuyên môn cấp xã
3/2026	- Đổi mới sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học - Tham gia hội nghị chuyên môn cấp xã - Kiểm tra nội bộ - Thi thiết kế kế hoạch bài dạy tương tác cấp xã - Tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chuyên đề: Tổ chức ngày hội đọc sách, tổ chức tìm hiểu cuộc thi chiến thắng 30/4 lịch sử - Kiểm tra giữa học kỳ II: từ 16/3/2026 đến 28/3/2026 - Tham gia thi hùng biện Tiếng Anh cấp xã
4/2026	- Rà soát việc thực hiện chương trình đúng tiến độ - Tổ chức soạn và triển khai đề cương ôn tập kiểm tra cuối kỳ II

	- Kiểm tra nội bộ - Tiếp tục triển khai công tác phụ đạo, bồi dưỡng, luyện thi lớp 10 - Thực hiện phân luồng hướng nghiệp học sinh lớp 9 - Tham gia thi học sinh giỏi văn hóa cấp tỉnh
5/2026	- Kiểm tra cuối kỳ II: từ 18/5/2026 đến 23/5/2026 - Hoàn thành xếp loại đánh giá học sinh và vào sổ điểm, học bạ - Tổng kết công tác chuyên môn năm học, hoàn thành báo cáo theo quy định 31/5/2026 - Bàn giao học sinh về sinh hoạt hè - Hoàn thành hồ sơ Xét TNTHCS - Tiếp tục triển khai công tác luyện thi tuyển sinh lớp 10 - Xét TNTHCS
6/2026	Thi TS 10 (dự kiến)
7/2026	- Bồi dưỡng hè cho giáo viên - Thực hiện tuyển sinh lớp 6 năm học 2026-2027
8/2026	- Bồi dưỡng hè cho giáo viên - Chuẩn bị cơ sở vật chất cho năm học 2026-2027 - Tụ trường năm học 2026-2027

PHỤ LỤC I

Tổng số tiết (105 tiết)	Lớp 6			Lớp 7			Lớp 8			Lớp 9		
	SH dưới cờ (35 tiết)	Sinh hoạt lớp (35 tiết)	HD giáo dục theo chủ đề (35 tiết)	SH dưới cờ (35 tiết)	Sinh hoạt lớp (35 tiết)	HD giáo dục theo chủ đề (35 tiết)	SH dưới cờ (35 tiết)	Sinh hoạt lớp (35 tiết)	HD giáo dục theo chủ đề (35 tiết)	SH dưới cờ (35 tiết)	Sinh hoạt lớp (35 tiết)	HD giáo dục theo chủ đề (35 tiết)
Hoạt động hướng vào bản thân (40% - 42 tiết)	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14	14
Hoạt động hướng đến xã hội (25% - 26 tiết)	10	8	8	10	8	8	10	8	8	10	8	8
Hoạt động hướng đến tự nhiên (15% - 16 tiết)	5	6	5	5	6	5	5	6	5	5	6	5
Hoạt động hướng nghiệp (20% - 21 tiết)	6	7	8	6	7	8	6	7	8	6	7	8

PHỤ LỤC II

Lớp	Nội dung	Chủ đề	HKI (18 tuần) từ tuần 1 đến 18	HKII (17 tuần) từ tuần 19 đến 35	Ghi chú
6	Địa lí (07 tiết)	Địa lí tự nhiên và hành chính tỉnh Long An	Tuần 1 đến 7 (7 tuần) 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết và 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)		1 điểm KT giữa kỳ
	Lịch sử (06 tiết)	Lịch sử Long An từ thời kỳ Nguyên thủy đến thế kỉVII	Tuần 8 đến 13 (6 tuần): 6 tuần x 1 tiết = 6 tiết (6 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
	Ngữ văn (07 tiết)	Truyện cổ Dân gian Long An	Tuần 14 đến 18 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết (4 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra cuối kỳ)	Tuần 19 đến 20 (2 tuần): 2 tuần x 1 tiết = 2 tiết (2 tiết lí thuyết)	1 điểm KT thường xuyên, 1 điểm KT cuối kỳ (2 nội dung)
	Âm nhạc (05 tiết)	Bài hát về địa phương		Tuần 21 đến 25 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết (4 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)	1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
	Mĩ thuật (04 tiết)	Tác phẩm Mĩ thuật địa phương		Tuần 26 đến 29 (4 tuần): 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (4 tiết lí thuyết)	1 điểm KT thường xuyên
	GDCD (06 tiết)	Quyền trẻ em và việc thực hiện Quyền trẻ em ở Long An		Tuần 30 đến 35 (6 tuần): 6 tuần x 1 tiết = 6 tiết (5 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra cuối kỳ)	1 điểm KT thường xuyên, 1 điểm KT cuối kỳ (2 nội dung)

7	Âm nhạc (4 tiết)	Một số nhạc cụ truyền thống ở tỉnh Long An	Tuần 1 đến 4 (4 tuần) 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (4 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
	Mĩ thuật (05 tiết)	Nghệ thuật trang trí trên sản phẩm thủ công mỹ nghệ	Tuần 5 đến 9 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết (4 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)		1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
	Ngữ văn (06 tiết)	Ca dao địa phương	Tuần 10 đến 15 (6 tuần): 6 tuần x 1 tiết = 6 tiết (6 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
	Địa lí (07 tiết)	Tài nguyên du lịch tỉnh Long An.	Tuần 16 đến 18 (3 tuần): 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết (2 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra cuối kỳ (2 nội dung))	Tuần 19 đến 22 (4 tuần): 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (4 tiết lí thuyết)	1 điểm KT cuối kỳ (2 nội dung), 1 điểm KT thường xuyên
	GDCD (06 tiết)	Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa địa phương		Tuần 23 đến 28 (6 tuần): 6 tuần x 1 tiết = 6 tiết (5 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)	1 điểm KT thường xuyên, 1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
	Lịch sử (07 tiết)	Lịch sử Tỉnh Long An thời kì trung đại (giai đoạn thế kỉ VII-XVI)		Tuần 29 đến 35 (7 tuần): 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)	1 điểm KT cuối kỳ
8	Âm nhạc (4 tiết)	Chủ đề 4. Nghệ nhân âm nhạc dân gian ở Long An	Tuần 1 đến 4 (4 tuần) 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (4 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên

	Mĩ thuật (05 tiết)	Chủ đề 5. Chân dung một số nghệ nhân trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ ở Long An	Tuần 5 đến 9 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết (4 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)		1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
	Ngữ văn (06 tiết)	Chủ đề 3: Ngôn ngữ địa phương Long An	Tuần 10 đến 15 (6 tuần): 6 tuần x 1 tiết = 6 tiết (6 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
	GDCD (06 tiết)	Chủ đề 6. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên ở Long An	Tuần 16 đến 18 (3 tuần): 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết (2 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra cuối kỳ (2 nội dung))	Tuần 19 đến 21 (3 tuần): 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết (3 tiết lí thuyết)	1 điểm KT cuối kỳ (2 nội dung), 1 điểm KT thường xuyên
	Lịch sử (07 tiết)	Chủ đề 2. Lịch sử Long An từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX		Tuần 22 đến 28 (7 tuần): 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)	1 điểm KT thường xuyên, 1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
	Địa lí (07 tiết)	Chủ đề 1. Địa Lí dân cư tỉnh Long An		Tuần 29 đến 35 (7 tuần): 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)	1 điểm KT cuối kỳ
9	Mĩ thuật (04 tiết)	Chủ đề 5. Nghệ thuật điêu khắc gỗ Long An.	Tuần 1 đến 4 (4 tuần) 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (4 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
	Âm nhạc (05 tiết)	Chủ đề 4. Các điệu lí ở tỉnh Long An	Tuần 5 đến 9 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết (4 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)		1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)

GDCD (05 tiết)	Chủ đề 6. Hoạt động cộng đồng ở Long An	Tuần 10 đến 14 (5 tuần): 5 tuần x 1 tiết = 5 tiết 5 tiết lí thuyết)		1 điểm KT thường xuyên
Ngữ văn (07 tiết)	Chủ đề 3. Tác giả, tác phẩm văn học đương đại tiêu biểu của tỉnh Long An	Tuần 15 đến 18 (4 tuần): 4 tuần x 1 tiết = 4 tiết (3 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra cuối kỳ (2 nội dung))	Tuần 19 đến 21 (3 tuần): 3 tuần x 1 tiết = 3 tiết (3 tiết lí thuyết)	1 điểm KT cuối kỳ (2 nội dung), 1 điểm KT thường xuyên
Lịch sử (07 tiết)	Chủ đề 2. Lịch sử Long An từ đầu thế kỉ XX đến nay		Tuần 22 đến 28 (7 tuần): 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra giữa kỳ)	1 điểm KT thường xuyên, 1 điểm KT giữa kỳ (2 nội dung)
Địa lí (07 tiết)	Chủ đề 1. Địa lí kinh tế tỉnh Long An		Tuần 29 đến 35 (7 tuần): 7 tuần x 1 tiết = 7 tiết (6 tiết lí thuyết + 1 tiết kiểm tra)	1 điểm KT cuối kỳ

PHỤ LỤC III**Lớp 6:**

Phân môn	HKI (18 tuần) Từ tuần 1 đến tuần 18	HKII (17 tuần) Từ tuần 19 đến tuần 35	Tổng
Hóa	08 tiết (04 tiết lý thuyết, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ) Dạy từ tuần 17 đến tuần 18	16 tiết (14 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập) Dạy từ tuần 19 đến tuần 22	24 tiết (18 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)
Lý		52 tiết (41 tiết lý thuyết, 04 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ và cuối kỳ) Dạy từ tuần 23 đến tuần 35	52 tiết (41 tiết lý thuyết, 04 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ)
Sinh	64 tiết (56 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 02 tiết thực hành, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ) Dạy từ tuần 1 đến tuần 16		64 tiết (56 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 02 tiết thực hành, 03 tiết ôn tập, và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)
Tổng	72 tiết (18 tuần x 4 tiết/tuần) (60 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 02 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	68 tiết (17 tuần x 4 tiết/tuần) (55 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	140 tiết (115 tiết lý thuyết, 09 tiết luyện tập, 02 tiết thực hành, 14 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)

Lớp 7:

Phân môn	HKI (18 tuần) Từ tuần 1 đến tuần 18	HKII (17 tuần) Từ tuần 19 đến tuần 35	Tổng
Hóa		36 tiết (26 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ) Dạy từ tuần 27 đến tuần 35	36 tiết (26 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ)
Lý	48 tiết (42 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ) Dạy từ tuần 1 đến tuần 12		48 tiết (42 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)
Sinh	24 tiết (16 tiết lý thuyết, 04 tiết thực hành, 04 tiết ôn tập)	32 tiết (25 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 04 tiết thực hành).	56 tiết (41 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 08 tiết thực hành)

	và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ). Dạy từ tuần 13 đến tuần 18	Dạy từ tuần 19 đến tuần 26	hành, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ).
Tổng	72 tiết (18 tuần x 4 tiết/tuần) (58 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 04 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	68 tiết (17 tuần x 4 tiết/tuần) (51 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 04 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	140 tiết (109 tiết lý thuyết, 09 tiết luyện tập, 08 tiết thực hành, 14 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)

Lớp 8:

Phân môn	HKI (18 tuần) Từ tuần 1 đến tuần 18	HKII (17 tuần) Từ tuần 19 đến tuần 35	Tổng
Hóa	48 tiết (43 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ) Dạy từ tuần 1 đến tuần 12		48 tiết (43 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)
Lý	24 tiết (19 tiết lý thuyết, 01 tiết luyện tập, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ) Dạy từ tuần 13 đến tuần 18	20 tiết (19 tiết lý thuyết, 01 tiết luyện tập) Dạy từ tuần 19 đến tuần 23	44 tiết (38 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ)
Sinh		48 tiết (38 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ) Dạy từ tuần 24 đến tuần 35	48 tiết (38 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ, cuối kỳ)
Tổng	72 tiết (18 tuần x 4 tiết/tuần) (62 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 06 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	68 tiết (17 tuần x 4 tiết/tuần) (57 tiết lý thuyết, 03 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá định kỳ)	140 tiết (119 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 14 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)

Lớp 9:

Phân môn	HKI (18 tuần) Từ tuần 1 đến tuần 18	HKII (17 tuần) Từ tuần 19 đến tuần 35	Tổng
Hóa	32 tiết (26 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ) Dạy từ tuần 11 đến tuần 18	32 tiết (25 tiết lý thuyết, 04 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ) Dạy từ tuần 19 đến tuần 26	64 tiết (51 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)

			giá giữa kỳ, cuối kỳ)
Lý	40 tiết (33 tiết lý thuyết, 04 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ) Dạy từ tuần 1 đến tuần 10		40 tiết (33 tiết lý thuyết, 04 tiết luyện tập, 03 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá giữa kỳ)
Sinh		36 tiết (29 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ) Dạy từ tuần 27 đến tuần 35	36 tiết (29 tiết lý thuyết, 02 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 04 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá cuối kỳ)
Tổng	72 tiết (18 tuần x 4 tiết/tuần) (59 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 07 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)	68 tiết (17 tuần x 4 tiết/tuần) (54 tiết lý thuyết, 06 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 07 tiết ôn tập, kiểm tra, đánh giá định kỳ)	140 tiết (113 tiết lý thuyết, 12 tiết luyện tập, 01 tiết thực hành, 14 tiết ôn tập và kiểm tra, đánh giá định kỳ)

PHỤ LỤC IV

Thời gian	Lớp 6		Lớp 7		Lớp 8		Lớp 9	
TS tiết	105		105		105		105	
Phân môn	LS	ĐL	LS	ĐL	LS	ĐL	LS	ĐL
TS tiết cả năm	52	53	53	52	53	52	53	52
TS tiết/tuần Học kỳ I	Tuần 1 - Tuần 4: 2/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 1/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 2/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 1/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 2/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 1/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 2/tuần	Tuần 1 - Tuần 4: 1/tuần
	Tuần 5 - Tuần 13: 1/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 2/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 1/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 2/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 1/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 2/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 1/tuần	Tuần 5 - Tuần 13: 2/tuần
TS tiết/tuần Học kỳ II	Tuần 14 - Tuần 18: 2/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 1/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 2/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 1/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 2/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 1/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 2/tuần	Tuần 14 - Tuần 18: 1/tuần
	Tuần 19 - Tuần 22: 2/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 1/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 1/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 2/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 1/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 2/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 1/tuần	Tuần 19 - Tuần 22: 2/tuần
TS tiết/tuần Học kỳ II	Tuần 23 - Tuần 31: 1/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 2/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 2/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 1/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 2/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 1/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 2/tuần	Tuần 23 - Tuần 31: 1/tuần
	Tuần 32 - Tuần 35: 2/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 1/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 1/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 2/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 1/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 2/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 1/tuần	Tuần 32 - Tuần 35: 2/tuần